

Chương XII

Lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

I- Lợi ích kinh tế

1. Bản chất, hệ thống và vai trò của lợi ích kinh tế

a) Bản chất và hệ thống lợi ích kinh tế

Lợi ích kinh tế là lợi ích vật chất, nó phản ánh mục đích và động cơ khách quan của các chủ thể khi tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội và do hệ thống quan hệ sản xuất quyết định. Mỗi một con người hay xã hội muốn tồn tại và phát triển thì nhu cầu của họ phải được đáp ứng. Lợi ích và nhu cầu có mối quan hệ mật thiết với nhau. Lợi ích bắt nguồn từ nhu cầu và là cái để đáp ứng nhu cầu, nhu cầu làm nảy sinh lợi ích.

Cũng giống như lợi ích của con người nói chung, lợi ích kinh tế gắn liền với nhu cầu, song đây không phải là nhu cầu bất kỳ, mà là nhu cầu kinh tế (nhu cầu vật chất). Chỉ có những nhu cầu kinh tế mới làm phát sinh lợi ích kinh tế. Vì vậy lợi ích kinh tế là một phạm trù kinh tế, một mặt, nó phản ánh những điều kiện, những phương tiện nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất của mỗi con người, mỗi chủ thể. Suy cho cùng, lợi ích kinh tế được biểu hiện ở mức độ của cải vật chất mà mỗi con người có được khi tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội. Mặt khác, nó phản ánh quan hệ giữa con người với con người trong quá trình tham gia vào các hoạt động đó để tạo ra của cải vật chất cho mình. Những quan hệ đó chính là quan hệ sản xuất trong xã hội. Vì vậy lợi ích kinh tế còn là hình thức biểu hiện của quan hệ sản xuất, do quan hệ sản xuất quyết định.

Quan hệ sản xuất, mà trước hết là quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quyết định vị trí, vai trò của mỗi con người, mỗi chủ thể trong quá trình tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội. Do đó, không có lợi ích kinh tế nằm ngoài những quan hệ sản xuất, mà nó là sản phẩm của những quan hệ sản xuất, là hình thức vốn có bên trong, hình thức tồn tại và biểu hiện của các quan hệ sản xuất. Chính vì vậy, theo Ph.Ăngghen: Các quan hệ kinh tế của một xã hội nhất định biểu hiện trước hết dưới hình thức lợi ích.

Hệ thống quan hệ sản xuất của mỗi một chế độ xã hội nhất định sẽ quy định hệ thống lợi ích kinh tế của xã hội đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nhiều quan hệ sản xuất, mà trước hết là nhiều quan hệ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, do đó hệ thống lợi ích kinh tế cũng mang tính đa dạng. Tuy góc độ xem xét mà ta có thể phân chia thành các nhóm, các loại lợi ích kinh tế khác nhau sau đây:

- Dưới góc độ khái quát nhất có thể phân chia hệ thống lợi ích kinh tế thành: Lợi ích kinh tế cá nhân, lợi ích kinh tế tập thể và lợi ích kinh tế xã hội.

- Dưới góc độ các thành phần kinh tế, có lợi ích kinh tế tương ứng với các thành phần kinh tế đó.

- Dưới góc độ các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, có lợi ích kinh tế của người sản xuất, người phân phối, người trao đổi, người tiêu dùng.

Dù cách phân chia có thể khác nhau nhưng các lợi ích kinh tế bao giờ cũng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn với nhau. Mặt thống nhất thể hiện ở chỗ: chúng cùng đồng thời tồn tại trong một hệ thống, trong đó lợi ích kinh tế này là cơ sở, là tiền đề cho lợi ích kinh tế khác. Chẳng hạn, có lợi ích kinh tế của người sản xuất, thì mới có lợi ích kinh tế của người trao đổi, người tiêu dùng và ngược lại. Mặt mâu thuẫn biểu hiện ở sự tách biệt nhất định giữa các lợi ích đó dẫn đến xu hướng lấn át của lợi ích kinh tế này đối với lợi ích kinh tế khác. Do đó, nó có thể gây nên những xung đột nhất định, ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động kinh tế - xã hội. Trong các xã hội có đối kháng giai cấp, thì các lợi ích kinh tế cũng mang tính đối kháng, do đó, nó dẫn đến những cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa các giai cấp.

Trong thực tế, lợi ích kinh tế thường được biểu hiện ở các hình thức thu nhập như: tiền lương, tiền công, lợi nhuận, lợi tức, địa tô, thuế, phí, lệ phí...

b) Vai trò của lợi ích kinh tế

Trong hệ thống lợi ích của con người nói chung bao gồm lợi ích kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội, thì lợi ích kinh tế giữ vai trò quyết định nhất, chi phối các lợi ích khác. Bởi vì, nó gắn liền với nhu cầu vật chất, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất - là nhu cầu đầu tiên, cơ bản nhất cho sự tồn tại và phát triển của con người, của xã hội. Đồng thời, khi lợi ích kinh tế được thực hiện thì nó cũng tạo cơ sở, tiền đề để thực hiện các lợi ích khác. Đời sống vật chất của xã hội được phồn thịnh, thì đời sống tinh thần cũng mới được nâng cao.

Chính vì vậy, lợi ích kinh tế giữ vai trò quan trọng nhất, quyết định nhất, là cơ sở, là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của mỗi con người nói riêng, cũng như xã hội nói chung. Lợi ích kinh tế là động lực của các hoạt động kinh tế, của sự phát triển xã hội.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng ta hạ thấp vai trò của lợi ích

chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội. Nhất là trong điều kiện mở rộng hợp tác, giao lưu kinh tế với các nước khác, phải quan tâm chú trọng không chỉ đến lợi ích kinh tế, mà cả lợi ích chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội. Trong những điều kiện đặc biệt (trong điều kiện chiến tranh, đất nước có giặc ngoại xâm...), thì thậm chí, lợi ích chính trị, tư tưởng, vấn đề an ninh, độc lập chủ quyền của quốc gia còn phải đặt lên trên hết và trước hết.

2. Hệ thống lợi ích kinh tế: cá nhân, tập thể và xã hội

Trong hệ thống lợi ích kinh tế: cá nhân, tập thể và xã hội, thì lợi ích kinh tế cá nhân là động lực trực tiếp, mạnh mẽ nhất thúc đẩy các chủ thể tham gia một cách tích cực vào các hoạt động kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu quả kinh tế của chúng. Bởi vì:

Thứ nhất: lợi ích kinh tế cá nhân là lợi ích thiết thực nhất, gắn liền với từng cá nhân, từng chủ thể. Nó trực tiếp đáp ứng nhu cầu vật chất của từng cá nhân, của từng chủ thể đó khi tham gia vào các hoạt động sản xuất xã hội. ở đâu và khi nào lợi ích kinh tế cá nhân được bảo đảm, thì ở đó sẽ tạo ra được động lực mạnh mẽ nhất kích thích họ phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Có thể nói, lợi ích kinh tế cá nhân là "huyết" mà sự tác động vào đó sẽ gây nên phản ứng nhanh nhạy nhất của các chủ thể trên. Nó là chất kết dính người lao động với quá trình sản xuất kinh doanh, là một thứ "dầu nhờn" đặc biệt để bôi trơn guồng máy kinh tế. Điều đó lý giải vì sao cơ chế thị trường đã tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển, đồng thời nó cũng lý giải vì sao cơ chế thị trường còn có nhiều mặt trái. Thực tiễn phát triển kinh tế ở nước ta trong những năm qua cũng đã chứng minh điều đó. Chẳng hạn, trong lĩnh vực nông nghiệp, với cơ chế khoán hộ, Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho các hộ nông dân, cùng với những chính sách khác, nước ta đã từ một nước thiếu lương thực, phải nhập khẩu lương thực, trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai, thứ ba trên thế giới.

Thứ hai: lợi ích kinh tế cá nhân tạo điều kiện để thực hiện và nâng cao lợi ích văn hóa, tinh thần của từng cá nhân. Khi lợi ích kinh tế cá nhân được bảo đảm, các chủ thể tham gia một cách tích cực và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ đó họ cũng có điều kiện để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của mình.

Thứ ba: lợi ích kinh tế cá nhân là cơ sở thực hiện lợi ích kinh tế tập thể và lợi ích xã hội vì dân có giàu thì nước mới mạnh. Khi lợi ích kinh tế cá nhân được bảo đảm, người dân hăng say, tích cực sản xuất để thực hiện nghĩa vụ của mình với Nhà nước, tập thể thì lợi ích kinh tế của Nhà nước (xã hội), tập thể cũng mới được thực hiện.

Vậy, để kích thích tính tích cực của người lao động, phát huy tối đa vai trò nhân tố con người, thì vấn đề mấu chốt, căn bản nhất là phải tác động vào lợi ích kinh tế mỗi cá nhân. Tạo điều kiện để mỗi người lao động, mỗi cá nhân, mỗi chủ

thể thực hiện được lợi ích kinh tế của mình, bảo đảm sao cho mỗi người được đóng góp và được hưởng phần thu nhập phù hợp với sự đóng góp của họ.

Nhấn mạnh đến vai trò của lợi ích kinh tế, đặc biệt là vai trò lợi ích kinh tế cá nhân, điều đó không có nghĩa là khuyến khích thực hiện lợi ích kinh tế cá nhân bằng mọi cách, mà Nhà nước phải có những chính sách, biện pháp nhằm khuyến khích việc thực hiện lợi ích kinh tế cá nhân bằng con đường chính đáng. Phải kiên quyết nghiêm trị các tệ nạn như: làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, tham nhũng... Bởi vì, ba lợi ích kinh tế: cá nhân, tập thể và xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, vừa thống nhất, vừa có mặt mâu thuẫn với nhau, đặc biệt trong điều kiện thời kỳ quá độ.

Mặt thống nhất biểu hiện ở chỗ: ba lợi ích kinh tế đó cùng đồng thời tồn tại trong một hệ thống kinh tế của xã hội, trong đó lợi ích kinh tế cá nhân là cơ sở để thực hiện lợi ích kinh tế tập thể và xã hội. Đồng thời, lợi ích kinh tế tập thể và xã hội lại tạo điều kiện thực hiện tốt hơn lợi ích kinh tế cá nhân. Không chỉ dân giàu thì nước mới mạnh, mà ngược lại nước có mạnh thì dân mới càng giàu. Chẳng hạn, khi Nhà nước thu được đúng và đủ thuế, tức lợi ích kinh tế của Nhà nước, của xã hội được bảo đảm, từ đó Nhà nước mới có điều kiện đầu tư xây dựng những cơ sở hạ tầng kinh tế như đường sá, cầu cống, hệ thống thủy lợi... Điều đó sẽ tạo điều kiện để các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống của từng cá nhân, đơn vị, cơ sở được nâng cao hơn, có nghĩa là lợi ích kinh tế của họ được thực hiện tốt hơn. Mặt khác, để khai thác tối đa động lực của lợi ích cá nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không thể xem nhẹ lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Xem xét một cách căn bản, lâu dài thì lợi ích xã hội xã hội chủ nghĩa là bảo đảm vững chắc cho sự phát triển đúng hướng của các lợi ích khác. Lợi ích xã hội xã hội chủ nghĩa là cơ sở để đảm bảo công bằng thực sự, là cơ sở kinh tế để giải phóng áp bức bất công đối với mọi thành viên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mặt mâu thuẫn giữa ba lợi ích kinh tế thể hiện ở sự tách biệt nhất định giữa chúng, do đó nếu dành quá nhiều cho lợi ích này thì bộ phận lợi ích khác sẽ bị vi phạm. Nhìn chung, mỗi chủ thể thường có xu hướng chỉ theo đuổi lợi ích kinh tế cá nhân, làm cho lợi ích kinh tế cá nhân nhiều khi đi ngược lại với lợi ích kinh tế tập thể và xã hội. Đôi khi vấn đề cũng có thể diễn ra theo chiều hướng ngược lại. Ví dụ: trong trường hợp Nhà nước quy định mức thuế quá cao.

Cũng cần lưu ý rằng, để phát huy tối đa tính tích cực của người lao động không phải chỉ chú trọng đến lợi ích kinh tế của họ là đủ, mà còn cần phải phát huy vai trò của các lợi ích khác như lợi ích chính trị, lợi ích tinh thần. Người nào lao động giỏi, xuất sắc không chỉ được khen thưởng bằng vật chất mà còn có thể được khen thưởng bằng tinh thần. Có như vậy, mới khai thác được thế mạnh không chỉ của lợi ích kinh tế, mà cả thế mạnh của các lợi ích khác, và thế mạnh

tương hỗ giữa các lợi ích đó trong mỗi con người.

Tóm lại, lợi ích kinh tế, mà trước hết là lợi ích kinh tế cá nhân phản ánh mục đích và động cơ khách quan của các chủ thể khi tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội, nó là động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy các chủ thể tham gia một cách tích cực vào hoạt động đó. Tuy nhiên, không nên tuyệt đối hoá chúng mà xem nhẹ vai trò của lợi ích tập thể, lợi ích xã hội; không thể quá nhấn mạnh lợi ích vật chất mà coi nhẹ lợi ích chính trị, tư tưởng, vì các lợi ích đó cùng tồn tại trong một hệ thống, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Mọi lợi ích kinh tế được thực hiện thông qua quan hệ thống phân phối.

II- Phân phối thu nhập trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Vị trí của vấn đề phân phối thu nhập

Phân phối là một khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, là một trong những nội dung cơ bản của quan hệ sản xuất xã hội.

Phân phối là một khâu của quá trình tái sản xuất xã hội. Nó do sản xuất quyết định. Có sản xuất thì mới có phân phối, sản xuất được nhiều thì mới có nhiều cái để phân phối và ngược lại. Đồng thời, phân phối cũng có tác động trở lại đối với sản xuất. Một mặt, phân phối cho tiêu dùng sản xuất là tiền đề, là điều kiện của sản xuất, nó quy định quy mô, cơ cấu và tốc độ phát triển của sản xuất; mặt khác, thu nhập của các tầng lớp dân cư được hình thành thông qua phân phối thu nhập quốc dân, nếu phân phối thu nhập quốc dân hợp lý bảo đảm lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia vào quá trình sản xuất, thì sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển và ngược lại, nếu phân phối không hợp lý, không bảo đảm lợi ích kinh tế hài hoà sẽ không thúc đẩy sản xuất phát triển, chủ sở hữu không tích cực bỏ vốn để đầu tư sản xuất, người lao động không tích cực lao động.

Mỗi phương thức sản xuất khác nhau có quan hệ phân phối khác nhau. Phân phối là một mặt của quan hệ sản xuất, do quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định tính chất của quan hệ phân phối. Chẳng hạn, dưới hình thức sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, thì sản phẩm làm ra thuộc quyền sở hữu và chi phối của các nhà tư bản, do đó phân phối mang tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa. Ngược lại, dưới hình thức tập thể về tư liệu sản xuất, thì sản phẩm làm ra thuộc tập thể, quan hệ phân phối mang tính chất tập thể, v.v.. Quan hệ phân phối là cái bảo đảm cuối cùng để quan hệ sở hữu từ hình thức pháp lý được thực hiện về mặt kinh tế.

Phân phối có nhiều loại khác nhau: tùy theo góc độ xem xét. Phần này chỉ trình bày vấn đề phân phối thu nhập quốc dân hình thành thu nhập của các tầng lớp dân cư trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Tính tất yếu khách quan của nhiều hình thức phân phối thu nhập cá nhân trong thời kỳ quá độ ở nước ta

Tính tất yếu khách quan của nhiều hình thức phân phối thu nhập cá nhân trong thời kỳ quá độ ở nước ta được quy định bởi các yếu tố sau:

Thứ nhất: Nền kinh tế nước ta là nền kinh tế nhiều thành phần. Mỗi thành phần kinh tế là một kiểu quan hệ kinh tế dựa trên cơ sở một hình thức sở hữu nhất định, và như trên đã chỉ ra, tương ứng với mỗi hình thức sở hữu nhất định sẽ có một hình thức phân phối nhất định. Mặc dù, các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế ở nước ta không tồn tại biệt lập mà đan xen vào nhau, và hợp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, song chừng nào còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế khác nhau thì còn tồn tại nhiều hình thức phân phối thu nhập khác nhau.

Thứ hai: Trong nền kinh tế nước ta tồn tại nhiều loại hình tổ chức - sản xuất - kinh doanh khác nhau. Trong nền kinh tế có nhiều chủ thể sản xuất, kinh doanh thuộc nhiều thành phần kinh tế tham gia. Các thành phần kinh tế có hình thức tổ chức - sản xuất kinh doanh khác nhau. Ngay trong mỗi thành phần kinh tế cũng có thể có các loại hình tổ chức - sản xuất - kinh doanh khác nhau, do đó tồn tại nhiều hình thức phân phối thu nhập khác nhau.

Thứ ba: Lực lượng sản xuất ở nước ta còn kém phát triển, do đó để huy động tối đa mọi nguồn lực vào phát triển sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm, làm tăng của cải cho xã hội, cũng phải thực hiện nhiều hình thức phân phối khác nhau tương ứng với sự đóng góp các nguồn lực đó.

Thứ tư: Nước ta đang trong thời kỳ hình thành và phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó quan hệ phân phối cũng phải là sự kết hợp các hình thức phân phối của cơ chế thị trường (như phân phối theo vốn), với các hình thức phân phối của chủ nghĩa xã hội (như phân phối theo lao động...), trong đó, các hình thức phân phối của chủ nghĩa xã hội phải đóng vai trò chủ đạo.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: "Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội"¹. Điều đó tiếp tục được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX và lần

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 92.

thứ X của Đảng.²

3. Các hình thức phân phối thu nhập cơ bản trong thời kỳ quá độ

a) Phân phối theo lao động

Đây là hình thức (nguyên tắc) phân phối cơ bản dưới chủ nghĩa xã hội. Đó là nguyên tắc phân phối thu nhập cho người lao động dựa vào số lượng và chất lượng lao động mà mỗi người đã đóng góp cho xã hội, không phân biệt giới tính, màu da, dân tộc, tôn giáo và tuổi tác. Ai làm nhiều thì hưởng nhiều, ai làm ít thì hưởng ít, ai không làm thì không hưởng. Thực chất của nguyên tắc phân phối theo lao động là phân phối theo hiệu quả mà lao động sống đã cống hiến.

Nguyên tắc phân phối theo lao động yêu cầu:

- Trong điều kiện như nhau, lao động ngang nhau thì trả công ngang nhau, và lao động khác nhau thì trả công khác nhau.

- Trong điều kiện khác nhau, lao động như nhau có thể phải trả công khác nhau, hoặc lao động khác nhau có thể phải trả công bằng nhau.

Căn cứ cụ thể để phân phối theo lao động là: số lượng lao động được đo bằng thời gian của lao động hoặc số lượng sản phẩm làm ra; trình độ thành thạo của người lao động và chất lượng sản phẩm làm ra; điều kiện và môi trường lao động; tính chất của lao động; các ngành nghề cần được khuyến khích...

Phân phối theo lao động không có nghĩa là toàn bộ sản phẩm thuộc về người lao động. Theo quy luật phân phối tổng sản phẩm xã hội thì trong bất kỳ xã hội nào, người lao động cũng không thể được hưởng toàn vẹn sản phẩm của lao động, người lao động chỉ được thụ hưởng một phần những gì họ đã đóng góp cho xã hội.

Phân phối theo lao động là một tất yếu khách quan dưới chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ nó được thực hiện trong thành phần kinh tế nhà nước (và một phần trong thành phần kinh tế tập thể). Bởi vì:

- Do các thành phần kinh tế nhà nước và tập thể dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, do đó tất cả mọi người đều có quyền và nghĩa vụ lao động như nhau. Vậy, không thể lấy quyền sở hữu về tư liệu sản xuất (lao động quá khứ) làm cơ sở để phân phối, mà phải lấy lao động (lao động sống đã cống hiến) làm căn cứ để phân phối.

- Còn có sự khác biệt giữa những người lao động về thái độ lao động (người tích cực, người chây lười, tránh nặng tìm nhẹ, muốn làm ít hưởng nhiều...), về tính chất và trình độ lao động, trong cùng một đơn vị thời gian, những lao động

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 88. Và *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 77, 78.

khác nhau đưa lại kết quả ít, nhiều, tốt, xấu khác nhau, điều kiện và môi trường lao động khác nhau... do đó phải thực hiện phân phối theo lao động. Không thể phân phối bình quân, vì làm như vậy sẽ triệt tiêu động lực nâng cao năng suất lao động, kéo thụt lùi sản xuất xã hội.

- Lực lượng sản xuất tuy đã phát triển, nhưng chưa đến mức đủ để phân phối theo nhu cầu, do đó phải thực hiện phân phối theo lao động.

Thực hiện phân phối theo lao động sẽ có tác dụng:

- Kết hợp chặt chẽ lợi ích kinh tế của người lao động với kết quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm cho ai đóng góp nhiều, lao động giỏi thì thu nhập cao và ngược lại, từ đó kích thích tính tích cực của người lao động, làm cho họ ra sức học tập, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, tay nghề, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,... để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Góp phần giáo dục thái độ, tinh thần và kỷ luật lao động đúng đắn cho người lao động, đấu tranh chống các hiện tượng chây lười, thiếu trách nhiệm,... từ đó góp phần hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

Phân phối theo lao động là hợp lý nhất, công bằng nhất so với những hình thức phân phối đã có trong lịch sử. Cơ sở của sự công bằng xã hội của sự phân phối đó là sự bình đẳng trong quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất.

Tuy nhiên, phân phối theo lao động cũng có những hạn chế nhất định. Đó là, mỗi một người lao động thường có thể lực, trí lực, điều kiện và hoàn cảnh gia đình khác nhau, nên phân phối theo lao động có thể chưa hoàn toàn bình đẳng, chẳng hạn người công nhân này lập gia đình rồi, người kia chưa; người này có con nhiều hơn người kia v.v. và v.v.. Như vậy, với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia, v.v.. Sự phân phối như vậy còn mang dấu ấn bình đẳng theo kiểu pháp quyền tư sản. Tuy nhiên điều đó là khách quan, buộc phải chấp nhận sự "bất bình đẳng" này để có sự bình đẳng cao hơn.

Những hạn chế trên của nguyên tắc phân phối theo lao động là mang tính tất yếu trong giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản - chủ nghĩa xã hội. Vì theo Mác: "quyền không bao giờ có thể ở một mức cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định"¹.

b) Phân phối theo vốn, theo giá cả sức lao động

Trong các cơ sở kinh tế có yếu tố tư bản và lao động làm thuê tồn tại hình

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19, tr. 36.

thức phân phối theo tư bản và theo giá cả sức lao động.

Thu nhập của những người lao động trong các cơ sở kinh tế này dựa trên quyền sở hữu sức lao động. Giá cả của hàng hoá sức lao động tức là thu nhập của người lao động không chỉ tùy thuộc vào giá trị của nó mà còn phụ thuộc vào quan hệ cung cầu về sức lao động trên thị trường lao động. Vì thế, phân phối theo giá trị sức lao động có hạn chế quan trọng là làm cho đời sống người lao động trở nên bấp bênh, không ổn định. Trong điều kiện sản xuất chưa phát triển, dân số tăng nhanh, sức ép về cung lao động rất lớn làm cho việc tìm kiếm việc làm trở nên rất khó khăn, người lao động bị lệ thuộc vào giới chủ. Vì vậy, việc Nhà nước điều tiết nhằm hạn chế sự bất công là rất cần thiết.

Còn tư bản, biểu hiện ở giá trị tài sản hay vốn đầu tư vào quá trình sản xuất, do đó chủ sở hữu những khoản đó được hưởng một phần thu nhập từ giá trị thặng dư do quá trình sản xuất đó tạo ra.

Với thành phần kinh tế cá thể, thì chủ thể vừa là người lao động, vừa là người sở hữu tư liệu sản xuất, vì vậy kết quả của quá trình sản xuất kinh doanh đều thuộc về họ. ở đây họ tự phân phối và tự quyết định quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng theo sự nhận biết của mình.

Hiện nay ở nước ta đã và đang xuất hiện các hình thức kinh tế cổ phần, mà cổ đông, tức là những người góp vốn cổ phần là những đối tượng khác nhau: có thể là Nhà nước, có thể là tập thể, tư nhân, cán bộ viên chức nhà nước, công nhân,... Các cổ đông được quyền hưởng thu nhập trên cơ sở vốn cổ phần của mình. Đây cũng chính là quyền sở hữu được thực hiện về mặt kinh tế.

Việc thực hiện phân phối theo sở hữu giá trị tài sản hay theo vốn là tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường, có tác dụng to lớn trong việc khai thác tối đa mọi tiềm năng về vốn trong các thành phần kinh tế và trong mọi tầng lớp dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh, tập trung mọi lực lượng của đất nước để phát triển kinh tế, nhất là trong điều kiện vốn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp. Nó cũng góp phần hình thành thị trường vốn các loại - một trong những điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế hàng hóa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên hình thức phân phối này có thể gia tăng giãn cách thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

Trong thời kỳ quá độ, các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế không chỉ tồn tại một cách biệt lập, mà còn có sự đan xen nhau, do đó trong thực tế, một đơn vị sản xuất kinh doanh có thể áp dụng nhiều hình thức phân phối khác nhau, ví dụ: trong kinh tế tập thể vừa áp dụng hình thức phân phối theo lao động, vừa áp dụng hình thức phân phối theo vốn đóng góp...

c) Phân phối thông qua phúc lợi tập thể, phúc lợi xã hội

Đây là hình thức phân phối rất cần thiết trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sở dĩ như vậy vì nó là hình thức phân phối góp phần khắc phục hạn chế, đồng thời bổ sung cho các hình thức phân phối thu nhập nói trên. Trong xã hội luôn có những người không có thu nhập hoặc thu nhập thấp, đời sống hết sức khó khăn do không có khả năng lao động, không có tài sản để đưa vào sản xuất kinh doanh, do trình độ thấp và nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan khác. Điều đó đòi hỏi sự hỗ trợ của tập thể, của xã hội từ các quỹ phúc lợi công cộng (quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ hỗ trợ người nghèo học tập, chữa bệnh...). Đồng thời, mọi cá nhân trong xã hội với tư cách là thành viên của tập thể, của xã hội đều được hưởng phúc lợi chung từ quỹ phúc lợi xã hội dưới hình thức các trường học và bệnh viện công, nhà văn hoá, công viên... và từ quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, hợp tác xã...

Hình thức phân phối này có tác dụng hết sức quan trọng, vì:

- Góp phần nâng cao thêm mức sống của toàn dân, nhất là đối với những người có thu nhập thấp, đời sống khó khăn, rút ngắn sự chênh lệch về thu nhập giữa các thành viên trong cộng đồng; góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.
- Phát huy tính tích cực lao động của các thành viên trong tập thể và trong xã hội.
- Góp phần phát triển toàn diện con người.
- Giáo dục ý thức cộng đồng.

Xã hội càng phát triển thì các quỹ phúc lợi tập thể, xã hội càng tăng và điều đó sẽ càng thể hiện được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, đối với các quỹ này cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Quỹ phúc lợi tập thể, xã hội không thể mở rộng quá khả năng của tập thể và của nền kinh tế cho phép, nếu không nó sẽ tác động tiêu cực đến tinh thần và thái độ lao động của người lao động và cuối cùng là ảnh hưởng đến năng suất lao động.
- Việc sử dụng các quỹ tập thể, xã hội phải thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, phô trương, hình thức và cần phát huy đầy đủ dân chủ, trưng cầu ý kiến của quảng đại quần chúng, vì các quỹ này có liên quan đến lợi ích của tất cả mọi thành viên của tập thể, xã hội.
- Trong việc hình thành quỹ phúc lợi tập thể, xã hội, Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, nhưng đồng thời cũng cần động viên mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp, các tổ chức xã hội,... cùng tham gia đóng góp, bởi vì quỹ này liên quan đến lợi ích của mọi thành viên của xã hội.

III- Các hình thức thu nhập. Từng bước thực hiện công bằng xã hội trong phân phối thu nhập

1. Các hình thức thu nhập

Tương ứng với các hình thức phân phối nêu trên có các hình thức thu nhập chủ yếu sau:

a) Tiền lương, tiền công

Hình thức phân phối theo lao động hoạt động thông qua phạm trù tiền lương trả cho những người làm việc trong các đơn vị hành chính sự nghiệp hoặc các đơn vị sản xuất kinh doanh ở thành phần kinh tế nhà nước và tập thể. Nó là phần thu nhập quốc dân dùng để phân phối cho người lao động dưới hình thức tiền tệ, căn cứ vào số lượng và chất lượng lao động của từng người.

Tiền lương có thể được tính theo thời gian hoặc theo sản phẩm. Tiền lương phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động, tức là tiền lương phải đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của người lao động về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh... Tiền lương danh nghĩa (thu nhập mà người lao động nhận được dưới hình thức tiền tệ) chưa phản ánh chính xác mức sống của người lao động. Chỉ có tiền lương thực tế (khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà người lao động mua được bằng tiền lương danh nghĩa) mới cho thấy mức sống của họ. Do vậy chính sách tiền lương phải bảo đảm cho người lao động nhận được phần thu nhập phù hợp với sự đóng góp của họ không chỉ trên danh nghĩa (bằng số lượng tiền nhất định) mà cả trên thực tế. Có như vậy, mới kích thích người lao động hăng hái học tập văn hóa, khoa học, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy sáng kiến, tăng năng suất lao động...

Ngoài ra, phải biết kết hợp tiền lương với các loại tiền thưởng, kết hợp khuyến khích lợi ích vật chất với việc giáo dục chính trị, tư tưởng (chống chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, làm dối, làm bừa, làm ẩu...).

Trong thực tế, cần phân biệt tiền lương với tiền công. Thông thường, tiền công là hình thức trả công cho người lao động trong các tổ chức kinh tế, các đơn vị tư nhân, cá thể,... ngoài hệ thống do nhà nước trả lương. Nó tùy thuộc vào giá trị sức lao động và quan hệ cung - cầu về các loại lao động trên thị trường sức lao động. Tiền công phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động.

b) Lợi nhuận, lợi tức, lợi tức cổ phần

Các khoản thu nhập này được hình thành từ hình thức phân phối theo vốn. Tương ứng với các loại vốn chủ yếu có các hình thức thu nhập sau:

- Đối với vốn tự có của các chủ doanh nghiệp cũng như vốn cổ phần của các cổ đông trong các công ty cổ phần, sau từng chu kỳ sản xuất kinh doanh, đem lại cho các chủ sở hữu các nguồn vốn trên hình thức thu nhập là lợi nhuận, lợi tức

cổ phần (lợi nhuận cổ tức).

- Đối với vốn cho vay, thu nhập từ nguồn vốn này gọi là lợi tức hay lợi tức cho vay. Mức lợi tức cao hay thấp tùy thuộc vào tổng số vốn cho vay và tỷ suất lợi tức. ở nước ta, tỷ suất này lên xuống theo sự biến động của quan hệ cung - cầu về tiền cho vay và sự điều tiết của Nhà nước đối với lưu thông tiền mặt và kiểm chế lạm phát trong từng thời kỳ.

c) Thu nhập từ các quỹ tiêu dùng công cộng

Từ những quỹ phúc lợi xã hội hình thành nên thu nhập của một bộ phận dân cư (tiền trợ cấp nuôi những người già không nơi nương tựa, tiền cứu tế xã hội, tiền hỗ trợ từ quỹ xoá đói giảm nghèo...). Cũng từ quỹ phúc lợi xã hội, các thành viên trong xã hội còn được hưởng các dịch vụ công cộng về văn hoá, y tế, giáo dục... không phải trả tiền hoặc chỉ phải trả một phần. Như vậy, các thành viên xã hội đều có thu nhập từ các quỹ tiêu dùng xã hội.

Trong mỗi tập thể (doanh nghiệp, hợp tác xã...) còn có phúc lợi chung và các thành viên của tập thể đó đều được hưởng phúc lợi này.

Ngoài các hình thức thu nhập trên, còn có những hình thức thu nhập khác: thu nhập của người lao động thuộc kinh tế cá thể, thu nhập từ kinh tế gia đình, tiền cho thuê đất, thuê nhà...

2. Từng bước thực hiện công bằng xã hội trong phân phối thu nhập cá nhân

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước kém phát triển, tồn tại nhiều thành phần kinh tế, do đó sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập cá nhân cũng là một tất yếu. Nhưng sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải tạo ra những tiền đề, những biện pháp để từng bước thực hiện sự công bằng xã hội trong phân phối thu nhập.

Để đạt được mục tiêu này chúng ta cần phải thực hiện những biện pháp cơ bản sau:

- Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất

Phân phối không chỉ phụ thuộc vào quan hệ sở hữu, mà còn phụ thuộc vào sản xuất, mà sản xuất căn bản lại phụ thuộc vào lực lượng sản xuất. Do đó, điều kiện tiên quyết đối với nước ta là phải phát huy mọi tiềm năng vật chất cũng như tinh thần của đất nước, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để có được sản phẩm sản xuất ra ngày càng nhiều, chất lượng ngày càng cao, chủng loại ngày càng phong phú,... Đó chính là những điều kiện vật chất để thực hiện ngày càng đầy đủ sự công bằng xã hội trong phân phối.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công, chống chủ nghĩa

bình quân và thu nhập bất hợp lý, bất chính.

Cần có chính sách phân phối thu nhập bảo đảm thu nhập của những người lao động có thể tái sản xuất mở rộng sức lao động. Gắn chặt tiền lương, tiền công với năng suất, chất lượng và hiệu quả sẽ bảo đảm quan hệ hợp lý về thu nhập cá nhân giữa các ngành nghề, giữa các đơn vị kinh tế. Đồng thời phải nghiêm trị những kẻ có thu nhập bất chính. Cần phải thực hiện triệt để tiền tệ hoá tiền lương và thu nhập, xoá bỏ những đặc quyền, đặc lợi trong phân phối.

- Ngăn ngừa sự chênh lệch quá đáng về mức thu nhập cá nhân và sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, cũng như trong thời kỳ quá độ, một mặt, phải thừa nhận sự chênh lệch về mức thu nhập giữa các tập thể, các cá nhân là khách quan; nhưng mặt khác phải ngăn chặn sự chênh lệch thu nhập quá đáng, sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập, vì điều đó sẽ dẫn đến những mâu thuẫn đối kháng, xung đột xã hội, không thực hiện được mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả các chính sách xoá đói giảm nghèo.

Nhà nước không những khuyến khích mọi người làm giàu một cách hợp pháp, mà còn tạo điều kiện và giúp đỡ bằng mọi biện pháp. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư phát triển sản xuất, mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Mọi công dân đều được tự do hành nghề, thuê mướn nhân công theo pháp luật, phát triển dịch vụ việc làm. Phân bố lại dân cư và lao động trên địa bàn cả nước. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Tạo mọi điều kiện cho người lao động tự tạo, tìm kiếm việc làm. Đồng thời, cần thực hiện có hiệu quả các chính sách xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên thoát đói nghèo vững chắc ở các vùng nghèo và các bộ phận dân cư nghèo, khắc phục tư tưởng bao cấp, ỷ lại. Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội, vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn. Đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ người nghèo, đồng bào các vùng gặp thiên tai...

Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích bản chất và vai trò của lợi ích kinh tế.
2. Phân tích mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế cá nhân, tập thể và xã hội.
3. Trình bày tính tất yếu của sự tồn tại nhiều hình thức phân phối ở nước ta hiện nay.

4. Trình bày nguyên tắc phân phối theo lao động.
5. Trình bày các hình thức phân phối theo vốn, theo giá cả sức lao động.
6. Nêu các hình thức thu nhập và những giải pháp cơ bản để từng bước thực hiện công bằng xã hội trong phân phối thu nhập ở nước ta hiện nay.